

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Số: 52/2025/CBTT-HHV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 7 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
- Mã chứng khoán: **HHV**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
- E-mail: info@hhv.com.vn Website: hhv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025 kết thúc vào ngày 30/6/2025 tự lập của Công ty.

(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/7/2025 tại đường dẫn: [http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2025](http://www.hhv.com.vn/báo%20cáo%20tài%20chính/2025)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/6/2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được ủy quyền CBTT

Kế toán trưởng



Lê Công Nghĩa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho quý 2 năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 – 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 99

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 – 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 99

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 20/05/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 30/06/2025 là 473.755.528 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025 là: 4.737.555.280.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	1.164.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	1.747.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	39.816.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%	108.505.200.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Phú, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, Xã Tống Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 02/07/2025, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã gửi công văn số 3068/UBCK-QLCB về việc chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang thực hiện các thủ tục liên quan đến đợt phát hành này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chung	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	16/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Phó TGD thường trực	01/10/2024	16/05/2025
	Tổng Giám đốc	16/05/2025	
Ông Trần Văn Chí	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Nguyễn Lê Bách	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2024	
Ông Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng Giám đốc	07/06/2025	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	23/05/2025	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	20/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	20/05/2025	

Kế toán trưởng:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	06/06/2025
Ông Lê Công Nghĩa		06/06/2025	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc



NGÔ TRƯỜNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 01a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.670.664.264.716	1.282.949.495.901
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	570.438.800.731	308.933.876.437
111	Tiền		404.763.707.243	187.371.329.025
112	Các khoản tương đương tiền		165.675.093.488	121.562.547.412
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.293.866.330	6.432.529.990
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	6.293.866.330	6.432.529.990
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		924.187.344.097	878.312.475.722
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	601.931.234.123	629.018.879.802
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	70.844.374.374	57.462.034.796
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	7.000.000.000	6.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	257.622.282.331	199.042.107.855
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		138.649.101.877	67.714.934.630
141	Hàng tồn kho	V.8	138.649.101.877	67.714.934.630
150	Tài sản ngắn hạn khác		31.095.151.681	21.555.679.122
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	19.150.652.262	18.578.962.390
152	Thuế GTGT được khấu trừ		8.891.187.140	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17b	3.053.312.279	2.976.716.732

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 01a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		38.166.191.230.857	37.623.411.236.338
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.047.802.618.400	940.166.496.834
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	415.438.785.710	310.095.234.962
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	632.363.832.690	630.071.261.872
220	Tài sản cố định		27.627.739.370.847	27.803.114.813.212
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	27.600.853.024.461	27.785.952.501.334
222	Nguyên giá		30.168.706.758.150	30.147.532.890.468
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.567.853.733.689)	(2.361.580.389.134)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	24.092.287.147	14.075.260.603
225	Nguyên giá		28.797.885.270	17.714.776.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.705.598.123)	(3.639.515.771)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	2.794.059.239	3.087.051.275
228	Nguyên giá		5.169.474.563	5.169.474.563
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.375.415.324)	(2.082.423.288)
240	Tài sản dở dang dài hạn		54.980.075.516	11.075.924.963
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	54.980.075.516	11.075.924.963
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.212.339.897.064	1.088.617.731.665
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	1.067.839.897.064	944.117.731.665
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	127.500.000.000	127.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	17.000.000.000	17.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		8.223.329.269.030	7.780.436.269.664
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	8.205.067.673.669	7.761.717.810.195
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.23a	7.827.712.498	7.057.060.974
269	Lợi thế thương mại	V.14	10.433.882.863	11.661.398.495
270	TỔNG TÀI SẢN		39.836.855.495.573	38.906.360.732.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 01a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		28.011.398.121.569	27.976.733.782.144
310	Nợ ngắn hạn		3.500.744.170.990	3.678.947.981.964
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15a	1.012.854.518.063	902.851.126.374
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16a	5.274.808.989	4.719.425.163
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17a	45.165.179.487	93.313.752.177
314	Phải trả người lao động	V.18	18.340.914.724	27.297.574.185
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19a	404.688.240.840	587.202.270.332
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	1.100.000.000	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	959.583.688.697	975.656.621.369
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	1.047.657.645.375	1.080.704.037.549
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.079.174.815	6.103.174.815
330	Nợ dài hạn		24.510.653.950.579	24.297.785.800.180
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15b	269.603.171.611	285.528.611.856
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16b	269.931.277.546	232.651.836.038
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.19b	6.145.395.186.445	5.671.857.412.889
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	6.321.236.530	6.649.932.236
337	Phải trả dài hạn khác	V.21b	35.280.476.625	38.822.766.625
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	17.635.420.025.049	17.912.050.154.563
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.23b	148.702.576.773	150.225.085.973

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 01a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.24	11.825.457.374.004	10.929.626.950.095
410	Vốn chủ sở hữu		7.652.364.501.459	6.921.543.077.550
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.737.555.280.000	4.322.555.280.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.737.555.280.000	4.322.555.280.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.079.662.000	6.079.662.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		15.561.628.379	8.822.456.079
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	1.739.172.300
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		1.378.653.887.444	1.116.710.675.697
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.100.710.904.091	703.328.280.943
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		277.942.983.354	413.382.394.754
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.514.514.043.636	1.465.635.831.474
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		4.173.092.872.545	4.008.083.872.545
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		4.173.092.872.545	4.008.083.872.545
440	TỔNG NGUỒN VỐN		39.836.855.495.573	38.906.360.732.239

Người lập biểu

ĐẶNG THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ CÔNG NGHĨA

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc


NGÔ TRƯỜNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 02a - DN/HN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	947.061.532.948	813.708.104.718	1.682.077.162.580	1.503.593.462.861
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	947.061.532.948	813.708.104.718	1.682.077.162.580	1.503.593.462.861
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	VI.2	559.905.028.658	471.510.331.057	908.753.273.407	821.625.262.717
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		387.156.504.290	342.197.773.661	773.323.889.173	681.968.200.144
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	14.706.132.516	11.182.646.538	28.595.166.116	18.483.775.248
22	Chi phí tài chính	VI.4	226.962.233.147	202.950.494.446	447.540.566.431	410.691.029.128
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		224.003.128.750	202.950.494.446	441.622.357.637	403.293.268.136
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		20.111.917.325	16.253.399.322	50.904.965.399	30.248.683.151
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	19.844.417.098	19.692.771.404	36.769.719.410	36.667.248.417
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		175.167.903.886	146.990.553.671	368.513.734.847	283.342.380.998
31	Thu nhập khác	VI.6	94.997.978	4.754.119	1.200.088.402	4.813.610
32	Chi phí khác	VI.7	470.771.444	844.946.983	474.870.097	984.989.941
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		(375.773.466)	(840.192.864)	725.218.305	(980.176.331)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		174.792.130.420	146.150.360.807	369.238.953.152	282.362.204.667

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.9	24.984.150.652	21.839.120.796	47.209.539.649	39.668.425.033
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.546.988.272)	(644.892.092)	(2.293.160.725)	(1.284.103.958)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>151.354.968.040</u>	<u>124.956.132.103</u>	<u>324.322.574.228</u>	<u>243.977.883.592</u>
61	Phân bổ cho: Cổ đông của Công ty		130.646.154.036	105.885.387.927	276.882.973.532	205.460.344.325
62	Cổ đông không kiểm soát		20.708.814.004	19.070.744.176	47.439.600.696	38.517.539.267
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	286	257	623	509
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	246	182	534	358

Người lập biểu

ĐẶNG THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ CÔNG NGHĨA

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

NGÔ TRƯỜNG NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	369.238.953.152	282.362.204.667
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ LTTM	208.859.934.575	183.773.704.359
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(79.500.131.515)	(48.732.458.399)
06	Chi phí lãi vay	441.622.357.637	403.293.268.136
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	940.221.113.849	820.696.718.763
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(83.541.187.853)	52.682.090.781
10	Tăng hàng tồn kho	(70.934.167.247)	(106.215.950.156)
11	Giảm các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	(34.229.267.202)	(64.744.055.178)
12	Giảm chi phí trả trước	634.675.319	8.175.163.654
14	Tiền lãi vay đã trả	(507.440.682.838)	(541.456.522.898)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(73.471.793.463)	(64.258.769.910)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	165.009.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(24.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	336.223.690.565	104.878.675.056
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(58.543.798.785)	(92.608.857.725)
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.461.336.340)	(418.039.613.191)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	600.000.000	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(253.143.272.861)	(7.500.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	107.738.172.067	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.767.991.336	7.196.823.251
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(180.042.244.583)	(510.951.647.665)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	415.000.000.000	830.254.742.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	569.602.588.903	198.558.001.742
34	Chi trả nợ gốc vay	(875.752.037.217)	(512.414.726.598)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(3.527.073.374)	(1.747.543.374)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	105.323.478.312	514.650.473.770
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	261.504.924.294	108.577.501.161
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.1 308.933.876.437	296.127.587.276
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	VND-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	V.1 570.438.800.731	404.705.088.437

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2025

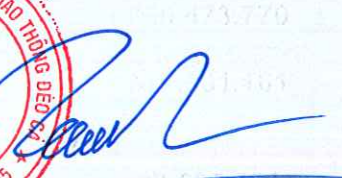
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng


ĐẶNG THỊ HUYỀN

LÊ CÔNG NGHĨA

NGÔ TRƯỜNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 năm 2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 20/05/2025.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025 là: **4.737.555.280.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty:****Danh sách các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			30.06.2025	01.01.2025	30.06.2025	01.01.2025
1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	278 Thụy Khê, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65,04%	65,03%	65,04%	65,03%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	74,24%	73,41%	74,24%	73,41%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	278 Thụy Khê, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,37%	99,37%	99,37%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			30.06.2025	01.01.2025	30.06.2025	01.01.2025
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khê, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,42%	47,34%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320, tổ 11, Phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	42,31%	42,31%	40,00%	40,00%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Phòng số 311, Tầng 3, Khu văn phòng tòa CT2 Chung cư Ban Cơ, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:****i. Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 21 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 24/03/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNDKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 23 năm 2 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2025 là: 1.791.041.030.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/03/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTĐTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

+ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 11 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 11 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 11 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 11 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2025 là: 2.354.036.400.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 10/07/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNDTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 10 năm 4 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2025 là: 296.310.000.000 VND

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 03/01/2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)	
Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000 VND
+ Vốn vay:	2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 12 năm 2 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2025 là:	305.000.000.000 VND
--	---------------------

v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 ngày 18/12/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 07/05/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.444.130.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.307.490.000.000 VND
+ Vốn Ngân sách nhà nước:	6.580.000.000.000 VND
Tổng	14.331.620.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.

Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm 03 tháng kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2025 là:	271.263.000.000 VND
--	---------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận) cấp ngày 28/07/2025.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
Tổng	8.925.480.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9.99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 15 năm 11 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025 là: 1.030.000.000.000 VND

vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 03/04/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/06/2025 là: 126.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Phú, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, Xã Tống Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Danh sách các Công ty đầu tư khác**i. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam**

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/06/2025.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025 là: 829.800.000.000 VND

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.419 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.285 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua.

Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)*****Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Công ty áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết, Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)*****Công ty liên kết (tiếp theo)***

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban tổng giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**5. Nguyên tắc các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ TSCĐ hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT, BT:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao TSCĐ hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị TSCĐ hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong kỳ và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

9. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**10. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

11. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

13. Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**15. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**- Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)**

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Doanh thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

f) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

g) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

h) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

i) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**20. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

20. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

21. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**23. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính (tiếp theo)**

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

Tỷ lệ phân bổ hiện nay của Dự án Hầm Đèo Cả - Cổ Mã - Cù Mông - Hải Vân là 45,54%; Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn là 29,75%; Dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia là 35,5%.

24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

25. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**25. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

27. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**28. Công cụ tài chính (tiếp theo)****a) Tài sản tài chính (tiếp theo)**

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

28. Công cụ tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền mặt	1.412.277.640	1.430.540.057
Tiền gửi ngân hàng	402.573.422.418	185.659.618.968
Tiền đang chuyển	778.007.185	281.170.000
Các khoản tương đương tiền	165.675.093.488	121.562.547.412
Cộng	570.438.800.731	308.933.876.437

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30.06.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	6.293.866.330	6.293.866.330	6.432.529.990	6.432.529.990
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.293.866.330	6.293.866.330	6.432.529.990	6.432.529.990
Dài hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu (iii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	23.293.866.330	23.293.866.330	23.432.529.990	23.432.529.990

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất từ 1,6%/năm - 4,2%/năm và tại Ngân hàng TPbank với lãi suất từ 3,2%/năm - 3,4%/năm;
- (ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất là 4,2%/năm;
- (iii) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do ngân hàng Vietinbank phát hành. Trái phiếu này đang được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 30.06.2025 VND	Lãi từ giao dịch mua giá rẻ VND	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Phân chia lãi (lỗ) từ các công ty liên doanh liên kết VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (i)	479.989.195.195	-	(10.000.000.000)	20.825.876.266	469.163.318.929
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	440.258.081.814	-	-	30.333.653.278	409.924.428.536
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (ii)	108.505.200.000	-	88.505.200.000	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (iii)	39.087.420.055	-	(5.688.000.000)	(254.564.145)	45.029.984.200
Cộng	1.067.839.897.064	-	72.817.200.000	50.904.965.399	944.117.731.665

(i) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ- ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa ngày 24/04/2024 về việc phân chia lợi nhuận sau thuế cho các cổ đông.

(ii) Theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025, Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 271.263.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 07/05/2025.

(iii) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 144.000.000.000 VND xuống 126.000.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 22/01/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30.06.2025			01.01.2025		
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-
Cộng	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	405.729.535.611	381.952.072.308
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	192.762.341.436	213.453.819.549
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	150.121.580.554	144.798.132.784
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	33.186.542.920	637.938.182
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	16.212.415.863	13.546.846.197
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	7.147.330.295	6.579.672.295
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	6.072.230.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	227.094.543	2.935.663.301
Bên khác	196.201.698.512	247.066.807.494
Ban Quản lý dự án 2	74.145.242.472	96.874.868.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	44.838.512.941	47.114.285.311
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.884.261.413	12.880.620.346
Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	9.005.022.000	15.744.869.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	3.399.652.533
Đối tượng khác	41.687.098.248	60.810.603.391
Cộng	601.931.234.123	629.018.879.802

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	3.819.685.608	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	3.819.685.608	-
Bên khác	67.024.688.766	57.462.034.796
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Duy Hải	10.101.746.566	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	7.581.804.304
Công ty TNHH Tân Tiến	6.788.525.346	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ô tô và Xe chuyên dụng Việt Nam	5.992.200.000	5.992.200.000
Đối tượng khác	22.201.383.150	29.529.001.092
Cộng	70.844.374.374	57.462.034.796

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác	415.438.785.710	310.095.234.962
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	203.957.440.726	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	94.082.320.759	94.082.320.759
Ban Quản lý Dự án 85	22.607.969.484	22.607.969.484
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Năng Ban Mai	15.247.718.241	15.247.718.241
Công ty TNHH Minh Phát	11.899.747.000	11.899.747.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.381.606.667	9.381.606.667
Ban QLDA ĐTXD Tỉnh Lạng Sơn	8.575.350.000	8.575.350.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	7.176.702.514	7.176.702.514
Đối tượng khác	42.509.930.319	41.123.820.297
Cộng	415.438.785.710	310.095.234.962

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	4.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	6.000.000.000

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****6. PHẢI THU KHÁC****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	30.06.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	66.875.902.468	-	62.597.646.331	-
Ký cược, ký quỹ	2.384.524.373	-	1.261.669.373	-
Bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên khác	2.284.524.373	-	1.161.669.373	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.053.855.000	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	687.819.373	-	687.819.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	473.850.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	69.000.000	-	-	-
Tạm ứng chi phí giải phóng mặt bằng	6.219.344.109	-	9.151.922.878	-
Bên khác	6.219.344.109	-	9.151.922.878	-
BQLDA các Công trình Trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000	-	4.919.720.000	-
Đối tượng khác	1.299.624.109	-	4.232.202.878	-
Các khoản khác	182.142.511.381	873.033.836	126.030.869.273	873.033.836
Bên liên quan	147.380.746.862	-	91.092.934.288	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	122.390.000.000	-	64.302.099.206	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	24.727.007.777	-	23.875.003.994	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hảo	-	-	2.663.833.088	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	263.739.085	-	251.998.000	-
Bên khác	34.761.764.519	873.033.836	34.937.934.985	873.033.836
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	6.817.486.960	-	6.817.486.960	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	3.070.496.900	-	3.070.496.900	-
Đối tượng khác	24.873.780.659	873.033.836	25.049.951.125	873.033.836
Cộng	257.622.282.331	873.033.836	199.042.107.855	873.033.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Phải thu khác dài hạn**

	30.06.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	2.158.003.000	-	2.157.503.000	-
Phải thu tạm ứng cổ tức (*)	63.539.183.468	-	74.538.955.074	-
Bên liên quan	38.015.562.045	-	44.608.004.491	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	38.015.562.045	-	44.608.004.491	-
Bên khác	25.523.621.423	-	29.930.950.583	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	25.421.172.372	-	29.775.842.388	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	102.449.051	-	155.108.195	-
Hợp tác kinh doanh	527.380.251.160	-	514.088.408.736	-
Bên liên quan	527.380.251.160	-	514.088.408.736	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào (**)	527.380.251.160	-	514.088.408.736	-
Các khoản khác	39.286.395.062	-	39.286.395.062	-
Bên khác	39.286.395.062	-	39.286.395.062	-
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành các dự án	13.922.159.406	-	13.922.159.406	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện				
Lạng Giang	12.301.719.456	-	12.301.719.456	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp thành phố				
Bắc Giang	5.033.084.500	-	5.033.084.500	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	4.860.513.038	-	4.860.513.038	-
Khác	3.168.918.662	-	3.168.918.662	-
Cộng	632.363.832.690	-	630.071.261.872	-

(*) Đây là khoản phải thu tạm ứng cổ tức của Công ty con – Công ty Cổ phần BOT Phước Tượng Phú Gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Phải thu khác dài hạn (tiếp theo)**

(**) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và Phụ lục hợp đồng số 03-01/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 18/06/2024 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo tối đa là 474.000.000.000 VND. Thời hạn hợp tác kinh doanh tối đa theo thời gian thu phí của dự án, tạm tính là 17 năm kể từ ngày dự án bắt đầu thu phí BOT. Công ty được hưởng phân chia lợi nhuận tương đương với tỷ suất lợi nhuận của nguồn vốn huy động khác quy định trong hợp đồng BOT dự án (tạm tính 10,33%/năm).

7. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30.06.2025			01.01.2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiên chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	873.033.836	-	(873.033.836)	873.033.836	-	(873.033.836)
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. HÀNG TỒN KHO**

	30.06.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	98.047.155.507	-	42.215.764.593	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.260.900.615	-	25.239.694.608	-
Công cụ, dụng cụ	263.172.202	-	209.983.054	-
Hàng hóa, thành phẩm	77.873.553	-	49.492.375	-
Cộng	138.649.101.877	-	67.714.934.630	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành. Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo, công ty đang thực hiện thi công các công trình có nguồn vốn ngân sách nhà nước. Để đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, công ty đã tăng cường các khoản chi phí đầu vào, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khoản chi phí này sẽ giảm dần sau khi các công trình được nghiệm thu hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	19.150.652.262	18.578.962.390
Cộng	19.150.652.262	18.578.962.390

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Lãi vay chờ phân bổ	8.197.613.103.620	7.753.056.874.955
Các khoản khác	7.454.570.049	8.660.935.240
Cộng	8.205.067.673.669	7.761.717.810.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	29.929.364.775.195	78.815.384.199	96.593.821.853	42.758.909.221	30.147.532.890.468
Số tăng trong kỳ	12.179.075.241	9.008.097.643	14.330.334.519	-	35.517.507.403
Mua trong kỳ	-	9.008.097.643	14.330.334.519	-	23.338.432.162
Đầu tư XD/CB hoàn thành	10.659.477.794	-	-	-	10.659.477.794
Tặng khác	1.519.597.447	-	-	-	1.519.597.447
Số giảm trong kỳ	3.297.343.425	8.870.370.370	2.175.925.926	-	14.343.639.721
Thanh lý, nhượng bán	-	8.870.370.370	2.175.925.926	-	11.046.296.296
Giảm khác	3.297.343.425	-	-	-	3.297.343.425
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	29.938.246.507.011	78.953.111.472	108.748.230.446	42.758.909.221	30.168.706.758.150
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	2.238.727.149.999	33.625.465.744	61.691.580.534	27.536.192.857	2.361.580.389.134
Số tăng trong kỳ	196.426.171.221	4.354.313.367	3.856.844.279	1.636.015.688	206.273.344.555
Khấu hao trong kỳ	196.426.171.221	4.354.313.367	3.856.844.279	1.636.015.688	206.273.344.555
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	2.435.153.321.220	37.979.779.111	65.548.424.813	29.172.208.545	2.567.853.733.689
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	27.690.637.625.196	45.189.918.455	34.902.241.319	15.222.716.364	27.785.952.501.334
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	27.503.093.185.791	40.973.332.361	43.199.805.633	13.586.700.676	27.600.853.024.461

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 26.781.860.255.759 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78.819.910.362 VND

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 2.992.880.835.815 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.220.171.122.089 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.903.827.960.873 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.179.743.200.362 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.382.106.581.771 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.396.034.375.228 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.382.106.581.771 VND.

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

- Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 4.058.170.835.815 VND (nguyên giá này không trích khấu hao). Trong đó:
 - + Hạng mục hầm Cổ Mã (không gồm GPMB, TĐC) là 2.992.880.835.815 VND;
 - + Hạng mục hầm Đèo Cả (Phần vốn NSNN) là 1.065.290.000.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
Số tăng trong kỳ	8.870.370.370	2.212.738.526	11.083.108.896
Thuê trong kỳ	8.870.370.370	2.212.738.526	11.083.108.896
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	14.788.552.188	14.009.333.082	28.797.885.270
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.264.593.861	2.374.921.910	3.639.515.771
Số tăng trong kỳ	350.315.658	715.766.694	1.066.082.352
Khấu hao trong kỳ	350.315.658	715.766.694	1.066.082.352
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.614.909.519	3.090.688.604	4.705.598.123
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	4.653.587.957	9.421.672.646	14.075.260.603
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	13.173.642.669	10.918.644.478	24.092.287.147

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 389.544.314 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	376.603.041	4.609.468.050	183.403.472	5.169.474.563
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	376.603.041	4.609.468.050	183.403.472	5.169.474.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	62.802.889	1.836.216.927	183.403.472	2.082.423.288
Số tăng trong kỳ	3.922.944	289.069.092	-	292.992.036
Khấu hao trong kỳ	3.922.944	289.069.092	-	292.992.036
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	66.725.833	2.125.286.019	183.403.472	2.375.415.324
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	313.800.152	2.773.251.123	-	3.087.051.275
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	309.877.208	2.484.182.031	-	2.794.059.239

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

311.838.680 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

584.500.850 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	54.521.000.000	1.731.481.481
Xây dựng cơ bản dở dang	459.075.516	9.344.443.482
Cộng	54.980.075.516	11.075.924.963

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Số dư đầu kỳ/năm	11.661.398.495	14.116.429.759
Phân bổ trong kỳ/năm	(1.227.515.632)	(2.455.031.264)
Số dư cuối kỳ/năm	10.433.882.863	11.661.398.495

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	30.06.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	334.660.397.763	334.660.397.763	316.418.109.595	316.418.109.595
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	252.900.143.635	252.900.143.635	255.201.333.193	255.201.333.193
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	39.148.616.141	39.148.616.141	17.850.311.355	17.850.311.355
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	35.523.091.407	35.523.091.407	29.641.848.407	29.641.848.407
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	7.088.546.580	7.088.546.580	13.724.616.640	13.724.616.640
Bên khác	678.194.120.300	678.194.120.300	586.433.016.779	586.433.016.779
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	96.567.186.104	96.567.186.104	110.174.790.905	110.174.790.905
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS - VINA	58.309.700.833	58.309.700.833	-	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	28.171.947.611	28.171.947.611	28.971.947.611	28.971.947.611
Công ty Cổ phần Giao thông Xây dựng Số 1	19.705.171.053	19.705.171.053	19.705.171.053	19.705.171.053
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	19.412.948.492	19.412.948.492	20.233.539.459	20.233.539.459
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	14.317.509.296	14.317.509.296	2.150.775.132	2.150.775.132
Công ty Cổ phần Nam Tân	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty TNHH MTV 43	10.338.036.667	10.338.036.667	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	8.231.005.118	8.231.005.118	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư truyền thông Việt	8.201.261.120	8.201.261.120	7.088.960.120	7.088.960.120
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	8.151.710.240	8.151.710.240	10.151.710.240	10.151.710.240
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	6.327.023.694	6.327.023.694	-	-
Đối tượng khác	252.963.190.736	252.963.190.736	240.458.692.923	240.458.692.923
Cộng	1.012.854.518.063	1.012.854.518.063	902.851.126.374	902.851.126.374

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)****b) Phải trả người bán dài hạn**

	30.06.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000
Bên khác	266.884.023.611	266.884.023.611	282.809.463.856	282.809.463.856
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xí nghiệp Đại Việt	71.873.463.105	71.873.463.105	71.873.463.105	71.873.463.105
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	19.146.941.214	19.146.941.214	19.146.941.214	19.146.941.214
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationalllc	11.770.805.441	11.770.805.441	11.770.805.441	11.770.805.441
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	1.598.789.078	1.598.789.078	13.598.789.078	13.598.789.078
Đối tượng khác	129.231.106.388	129.231.106.388	133.156.546.633	133.156.546.633
Cộng	269.603.171.611	269.603.171.611	285.528.611.856	285.528.611.856

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác	5.274.808.989	4.719.425.163
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Đối tượng khác	1.303.981.693	748.597.867
Cộng	5.274.808.989	4.719.425.163

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	207.518.852.325	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	207.518.852.325	100.000.000.000
Bên khác	62.412.425.221	132.651.836.038
Ban Quản lý dự án 2 (ii)	55.033.423.843	104.617.867.660
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng (iii)	7.379.001.378	28.033.968.378
Cộng	269.931.277.546	232.651.836.038

(i) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng).

(ii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án 2 thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng Công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

(iii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng thi công dự án đường ven biển nối cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC****a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01.01.2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30.06.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.663.939.396	70.930.865.588	92.958.973.734	6.635.831.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.439.435.304	47.209.539.649	73.471.793.463	38.177.181.490
Thuế thu nhập cá nhân	210.377.477	1.234.976.215	1.093.186.945	352.166.747
Thuế tài nguyên	-	5.070.000	5.070.000	-
Các khoản thuế khác	-	123.910.666	123.910.666	-
Cộng	93.313.752.177	119.504.362.118	167.652.934.808	45.165.179.487

b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	01.01.2025 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thực thu trong kỳ VND	30.06.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.976.716.732	76.595.547	-	3.053.312.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Các khoản thuế khác	-	-	-	-
Cộng	2.976.716.732	76.595.547	-	3.053.312.279

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền lương phải trả	18.340.914.724	27.297.574.185
Cộng	18.340.914.724	27.297.574.185

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	134.607.590.000	220.763.753.000
Trích trước chi phí trung tu, đại tu Hầm	218.685.188.524	203.597.439.524
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	28.727.630.408	136.741.215.341
Trích trước chi phí lãi vay	2.258.038.826	2.252.647.779
Các khoản khác	20.409.793.082	23.847.214.688
Cộng	404.688.240.840	587.202.270.332

b) Chi phí phải trả dài hạn

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	5.831.705.291.510	5.355.252.245.622
Trích trước chi phí lãi vay	27.200.724.396	32.744.774.963
Các khoản khác	286.489.170.539	283.860.392.304
Cộng	6.145.395.186.445	5.671.857.412.889

Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn, dài hạn chủ yếu là khoản lãi vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn và dự án hầm Đèo Cả - Cổ Mã - Cù Mông - Hải Vân), sẽ được chi trả bằng nguồn thu phí và tiền độ chi trả theo dòng tiền thực tế của dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN****a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	1.100.000.000	1.100.000.000

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	6.050.000.000	6.600.000.000
Các khoản khác	271.236.530	49.932.236
Cộng	6.321.236.530	6.649.932.236

21. PHẢI TRẢ KHÁC**a) Phải trả khác ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
b) Bảo đảm thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	373.592.398.186	379.592.398.186
Bên khác	373.592.398.186	379.592.398.186
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	71.817.270.281	71.817.270.281
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	65.626.091.401	65.626.091.401
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	51.646.434.240	51.646.434.240
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	51.066.578.889	51.066.578.889
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình Ngầm	43.169.306.865	43.169.306.865
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	19.049.711.952	25.049.711.952
Đối tượng khác	71.217.004.558	71.217.004.558
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	496.670.614.634	507.900.000.000
Bên liên quan	496.670.614.634	507.900.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	495.400.000.000	507.900.000.000
a) Phải trả khác dài hạn	1.270.614.634	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	1.270.614.634	-
Các khoản khác	89.320.675.877	88.164.223.183
Bên liên quan	1.326.537.143	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	1.326.537.143	-
Bên khác	87.994.138.734	88.164.223.183
Đối tượng khác	87.994.138.734	88.164.223.183
Cộng	959.583.688.697	975.656.621.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)****a) Phải trả khác ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 2806/2024/CNCP-ICV ngày 28/06/2024; 01/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 26/12/2024 và 2512/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 25/12/2024.

b) Phải trả khác dài hạn

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	22.144.480.775	22.144.480.775
Bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	10.467.834.734	10.467.834.734
Phải trả khác	2.668.161.116	6.210.451.116
Cộng	35.280.476.625	38.822.766.625

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30.06.2025 VND	Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	Tăng VND	Giảm VND	
Bên khác	1.047.657.645.375	286.780.599.514	557.672.588.903	877.499.580.591	1.080.704.037.549
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	626.920.000.000	245.787.488.000	-	422.867.488.000	804.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	180.767.261.005	628.726.858	210.314.365.963	136.609.285.427	106.433.453.611
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	90.702.428.611	2.226.841.282	134.105.777.709	111.803.817.845	66.173.627.465
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	67.867.000.000	34.500.000.000	-	33.300.000.000	66.667.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	74.125.869.011	-	213.252.445.231	169.281.445.945	30.154.869.725
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	1.890.000.000	-	1.890.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.772.608.776	886.304.388	-	886.304.388	1.772.608.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	861.238.986	-	861.238.986	1.722.477.972
Cán bộ, công nhân viên	-	-	-	-	-
Cộng	1.047.657.645.375	286.780.599.514	557.672.588.903	877.499.580.591	1.080.704.037.549

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)**

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	<i>Số dư nợ vay</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Bên cho vay</i>
Số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	26.255.238.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2017-HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS	80.000.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-DEOCA	70.132.750.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 23072014/HDDH; Phụ lục 1-9. Thông báo cơ cấu nợ số 23072014/HDDH/SĐBS-06	34.500.000.000	Năm 2026	Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội
Số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	45.933.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	23.466.500.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	6.493.111.514	Năm 2026	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30.06.2025 VND	Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	36.178.164.939	11.930.000.000	1.779.530.000	6.493.111.514	32.520.806.453
Bên khác	36.178.164.939	11.930.000.000	1.779.530.000	6.493.111.514	32.520.806.453
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	9.064.330.020	-	-	2.226.841.282	11.291.171.302
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	8.225.000.000	-	-	1.890.000.000	10.115.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	3.143.634.296	-	-	628.726.858	3.772.361.154
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	2.103.350.000	2.350.000.000	246.650.000	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	8.047.120.000	9.580.000.000	1.532.880.000	-	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	3.349.660.151	-	-	861.238.986	4.210.899.137
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.245.070.472	-	-	886.304.388	3.131.374.860
Trên 5 năm	17.599.241.860.110	-	-	280.287.488.000	17.879.529.348.110
Bên khác	17.599.241.860.110	-	-	280.287.488.000	17.879.529.348.110
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	16.791.087.727.777	-	-	245.787.488.000	17.036.875.215.777
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	808.154.132.333	-	-	34.500.000.000	842.654.132.333
Cộng	17.635.420.025.049	11.930.000.000	1.779.530.000	286.780.599.514	17.912.050.154.563

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

Thời hạn	30.06.2025			30.06.2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trên 1 năm đến 5 năm	3.916.617.688	389.544.314	3.527.073.374	1.119.528.209	245.756.522	873.771.687
Bên khác						
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.065.454.568	179.150.180	886.304.388	569.239.301	126.087.107	443.152.194
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	1.062.557.914	201.318.928	861.238.986	550.288.908	119.669.415	430.619.493
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	249.139.444	2.489.444	246.650.000	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	1.539.465.762	6.585.762	1.532.880.000	-	-	-
Cộng	3.916.617.688	389.544.314	3.527.073.374	1.119.528.209	245.756.522	873.771.687

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
		100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	
2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	600.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	22.841.000.000.000	180 – 312 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
5	Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (*)	1.148.942.000.000	233 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả và Công ty CP ĐTMT Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (Đèo Cả- Cù Mông - Hải Vân, Bắc Giang - Lạng Sơn, Phước Tượng - Phú Gia), được trả theo phương án tài chính dựa trên nguồn thu phí hằng năm của các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	2.350.000.000	60 tháng	7,2%-8%/năm	Ký cược
5	Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	9.580.000.000	60 tháng	6,8%/năm	Ký cược
6	Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	9.825.991.049	60 tháng	10,95%/năm - 10,80%/năm	Ký cược
7	Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo):

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
8	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.500.000.000.000	Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.182.000.000.000	Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.800.000.000.000	180 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		1.190.000.000.000	Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
9	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.169.000.000.000	Thời hạn vay là 26 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến năm 2043, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
10	Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả và Công ty CP ĐTMT Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.827.712.498	7.057.060.974
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.827.712.498	7.057.060.974

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	148.702.576.773	150.225.085.973
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	148.702.576.773	150.225.085.973

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác (*) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2024	3.293.503.510.000	(876.900.000)	8.822.456.079	-	921.898.501.789	1.236.745.448.794	3.272.808.312.802	8.732.901.329.464
Tăng vốn trong kỳ	823.298.180.000	6.956.562.000						830.254.742.000
Lợi nhuận trong kỳ					205.460.344.325	38.517.539.267		243.977.883.592
Trả thù lao cho HĐQT&BKS					(954.000.000)			(954.000.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ				1.739.172.300	(1.739.172.300)			-
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát					(11.125.764.285)	160.267.764.285		149.142.000.000
Tại ngày 30.06.2024	4.116.801.690.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	1.113.539.909.529	1.435.530.752.346	3.272.808.312.802	9.955.321.955.056
Tại ngày 01.01.2025	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	1.116.710.675.697	1.465.635.831.474	4.008.083.872.545	10.929.626.950.095
Tăng vốn trong kỳ	415.000.000.000	-	-	-	-	-	-	415.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	276.882.973.532	47.439.600.696	-	324.322.574.228
Trả thù lao cho HĐQT&BKS (1)					(974.806.452)			(974.806.452)
Trích quỹ Đầu tư phát triển (2)			5.000.000.000		(5.000.000.000)			-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (3)			1.739.172.300	(1.739.172.300)				-
Tăng khác (4)							165.009.000.000	165.009.000.000
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(8.964.955.333)	1.438.611.466	-	(7.526.343.867)
Tại ngày 30.06.2025	4.737.555.280.000	6.079.662.000	15.561.628.379	-	1.378.653.887.444	1.514.514.043.636	4.173.092.872.545	11.825.457.374.004

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(*) Đây là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cập nhật vào tổng mức đầu tư của Dự án tại quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 4/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm hầm Đèo Cả, hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân); Theo đó, nguồn vốn này được giao cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT nhằm đảm bảo phương án tài chính đã ký với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(1) Theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2024, HĐQT đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT&BKS.

(2) Theo nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2024, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 5.000.000.000 VND.

(3) Theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2024, HĐQT đã thông qua việc chuyển toàn bộ quỹ dự trữ vốn điều lệ vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

(4) Ngày 07/01/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả nhận được khoản hỗ trợ từ Nhà nước là 165.009.000.000 VND (đợt 2) từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1738/QĐ-TT ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ 1.180 tỷ đồng và Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân theo hình thức BOT). Khoản hỗ trợ này được sử dụng một phần để hoàn trả phần vốn vay của ngân hàng tài trợ vốn dự án, phần còn lại được dùng để giải ngân tiếp tục vào dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30.06.2025 VND	%	01.01.2025 VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	58.271.080.000	1,23%	58.271.080.000	1,35%
Hồ Minh Hoàng	20.223.000.000	0,43%	20.223.000.000	0,47%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	695.446.490.000	14,68%	695.446.490.000	16,09%
Đối tượng khác	3.963.614.710.000	83,66%	3.548.614.710.000	82,09%
Cộng	4.737.555.280.000	100,00%	4.322.555.280.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,23%	1,23%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	14,65%	14,68%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	14,65%	14,68%
Cộng	15,88%	15,91%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 15,91% tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	415.000.000.000	823.298.180.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.737.555.280.000	4.116.801.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	30.06.2025	01.01.2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	473.755.528	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	473.755.528	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	473.755.528	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	473.755.528	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	473.755.528	432.255.528
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.06.2025	30.06.2024
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	947.061.532.948	813.708.104.718	1.682.077.162.580	1.503.593.462.861
Doanh thu các trạm thu phí BOT	540.758.789.816	485.521.355.557	1.066.854.937.963	962.242.167.599
Doanh thu xây lắp	358.515.040.952	302.498.539.757	524.151.870.096	498.663.952.523
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	22.126.747.062	12.669.214.863	53.243.007.435	18.662.692.741
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	5.305.637.706	4.795.714.815	11.201.944.604	10.508.036.111
Doanh thu khác	20.355.317.412	8.223.279.726	26.625.402.482	13.516.613.887
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	947.061.532.948	813.708.104.718	1.682.077.162.580	1.503.593.462.861
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	243.491.719.823	82.072.895.496	345.503.148.957	137.953.003.331
Doanh thu xây lắp	207.993.918.553	67.467.100.285	293.700.922.450	120.349.754.151
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	16.715.505.240	12.669.214.863	30.712.281.354	14.687.424.223
Doanh thu khác	18.782.296.030	1.936.580.348	21.089.945.153	2.915.824.957

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	189.042.717.324	162.852.649.245	348.410.081.442	319.228.457.458
Giá vốn xây lắp	342.293.779.672	294.925.413.164	501.199.937.638	478.360.481.229
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	13.597.641.861	4.633.843.926	35.170.272.969	8.765.165.160
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.637.920.740	4.067.663.874	7.547.933.219	8.053.969.289
Giá vốn khác	11.332.969.061	5.030.760.848	16.425.048.139	7.217.189.581
Cộng	559.905.028.658	471.510.331.057	908.753.273.407	821.625.262.717

3. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.414.290.092	2.018.659.551	2.208.858.114	5.465.276.959
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.291.842.424	9.163.986.987	26.386.308.002	13.018.498.289
Cộng	14.706.132.516	11.182.646.538	28.595.166.116	18.483.775.248

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Chi phí lãi vay	224.003.128.750	195.552.733.454	441.622.357.637	403.293.268.136
Chi phí tài chính khác	2.959.104.397	7.397.760.992	5.918.208.794	7.397.760.992
Cộng	226.962.233.147	202.950.494.446	447.540.566.431	410.691.029.128

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Chi phí nhân viên	7.804.928.901	7.567.810.165	15.588.455.955	15.009.116.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.021.694.774	5.651.831.576	8.015.713.980	9.442.369.378
Phân bổ lợi thế thương mại	613.757.816	613.757.816	1.227.515.632	1.227.515.632
Chi phí khấu hao	556.750.118	579.185.509	1.137.708.279	1.158.587.155
Chi phí khác	5.847.285.489	5.280.186.338	10.800.325.564	9.829.659.958
Cộng	19.844.417.098	19.692.771.404	36.769.719.410	36.667.248.417

6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Các khoản thu nhập khác	94.997.978	4.754.119	1.200.088.402	4.813.610
Cộng	94.997.978	4.754.119	1.200.088.402	4.813.610

7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Các khoản chi phí khác	470.771.444	844.946.983	474.870.097	984.989.941
Cộng	470.771.444	844.946.983	474.870.097	984.989.941

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.318.726.372	156.530.166.446	389.814.843.633	244.037.132.464
Chi phí nhân công	123.138.012.790	225.490.883.673	223.050.550.181	333.583.595.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.038.420.439	93.193.867.821	208.859.934.575	183.773.704.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.085.855.618	55.089.826.607	89.716.004.253	101.390.979.045
Chi phí khác bằng tiền	65.635.153.437	27.269.215.278	89.913.051.089	92.951.129.275
Cộng	600.216.168.656	557.573.959.825	1.001.354.383.731	955.736.540.273

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	24.982.203.304	20.553.098.306	47.202.891.571	38.172.549.341
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ nay	1.947.348	1.286.022.490	6.648.078	1.495.875.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.984.150.652	21.839.120.796	47.209.539.649	39.668.425.033

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	130.646.154.036	105.885.387.927	276.882.973.532	205.460.344.325
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	130.646.154.036	105.885.387.927	276.882.973.532	205.460.344.325
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	456.881.902	411.680.169	444.636.743	403.537.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	286	257	623	509

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 23.687.776 cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 49.744.330 cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

	Quý 2		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	130.646.154.036	105.885.387.927	276.882.973.532	205.460.344.325
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	130.646.154.036	105.885.387.927	276.882.973.532	205.460.344.325
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	456.881.902	411.680.169	444.636.743	403.537.660
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	73.432.106	169.931.281	73.432.106	169.931.281
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	246	182	534	358

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	569.602.588.903	198.558.001.742
4. Số tiền thực trả gốc trong kỳ		
	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	875.752.037.217	512.414.726.598
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	3.527.073.374	1.747.543.374
Cộng	879.279.110.591	514.162.269.972

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Khoản cam kết vốn (i)	20.000.000.000	50.381.522.958	507.270.477.042	577.652.000.000
Khoản cam kết khác (ii)	226.140.000	-	-	226.140.000
Cộng	20.226.140.000	50.381.522.958	507.270.477.042	577.878.140.000

(i) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án).

(ii) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan.

2. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1**3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025**

Ngày 02/07/2025, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã gửi công văn số 3068/UBCK-QLCB về việc chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang thực hiện các thủ tục liên quan đến đợt phát hành này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Thông tin bộ phận

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh****Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024**

	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	962.242.167.599	498.663.952.523	10.508.036.111	18.662.692.741	13.516.613.887	1.503.593.462.861
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	962.242.167.599	498.663.952.523	10.508.036.111	18.662.692.741	13.516.613.887	1.503.593.462.861
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	643.013.710.141	20.303.471.294	2.454.066.822	9.897.527.581	6.299.424.306	681.968.200.144
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(36.667.248.417)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						645.300.951.727
Doanh thu hoạt động tài chính						18.483.775.248
Chi phí tài chính						(410.691.029.128)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						30.248.683.151
Thu nhập khác						4.813.610
Chi phí khác						(984.989.941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(39.668.425.033)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.284.103.958
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						243.977.883.592
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(92.608.857.725)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(183.773.704.359)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025					
	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.066.854.937.963	524.151.870.096	11.201.944.604	53.243.007.435	26.625.402.482	1.682.077.162.580
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.066.854.937.963	524.151.870.096	11.201.944.604	53.243.007.435	26.625.402.482	1.682.077.162.580
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	718.444.856.521	22.951.932.458	3.654.011.385	18.072.734.466	10.200.354.343	773.323.889.173
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(36.769.719.410)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						736.554.169.763
Doanh thu hoạt động tài chính						28.595.166.116
Chi phí tài chính						(447.540.566.431)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						50.904.965.399
Thu nhập khác						1.200.088.402
Chi phí khác						(474.870.097)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(47.209.539.649)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.293.160.725
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						324.322.574.228
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(58.543.798.785)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(208.859.934.575)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

01.01.2025	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.317.671.994.443	760.897.807.752	56.219.096.515	9.517.591.464	57.145.598.479	36.201.452.088.653
Tài sản không phân bổ						2.704.908.643.586
Tổng tài sản	35.317.671.994.443	760.897.807.752	56.219.096.515	9.517.591.464	57.145.598.479	38.906.360.732.239
Nợ phải trả bộ phận	26.299.157.550.253	533.771.130.220	10.933.673.620	-	38.120.986.510	26.881.983.340.603
Nợ phải trả không phân bổ						1.094.750.441.541
Tổng nợ phải trả	26.299.157.550.253	533.771.130.220	10.933.673.620	-	38.120.986.510	27.976.733.782.144

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

30.06.2025	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.670.378.112.101	920.760.738.921	75.926.244.352	7.945.199.694	102.572.764.381	36.777.583.059.449
Tài sản không phân bổ						3.059.272.436.124
Tổng tài sản	35.670.378.112.101	920.760.738.921	75.926.244.352	7.945.199.694	102.572.764.381	39.836.855.495.573
Nợ phải trả bộ phận	26.309.688.535.005	590.734.029.281	12.793.659.124		17.316.533.941	26.930.532.757.351
Nợ phải trả không phân bổ						1.080.865.364.218
Tổng nợ phải trả	26.309.688.535.005	590.734.029.281	12.793.659.124	-	17.316.533.941	28.011.398.121.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý**

06 tháng đầu năm 2024	Bắc Giang,Lạng Sơn VND	Huế VND	Đà Nẵng VND	Phú Yên,Khánh Hòa VND	Địa bàn khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	220.249.220.370	240.438.233.338	44.989.090.355	588.957.432.700	408.959.486.098	1.503.593.462.861
Tài sản bộ phận	13.750.339.960.527	1.369.503.852.183	8.505.198.845.902	14.310.753.249.525	85.600.293.889	38.021.396.202.026
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(92.608.857.725)
06 tháng đầu năm 2025	Bắc Giang,Lạng Sơn VND	Huế VND	Đà Nẵng VND	Phú Yên,Khánh Hòa VND	Địa bàn khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	275.243.020.369	271.140.512.040	91.834.267.345	598.263.436.840	445.595.925.986	1.682.077.162.580
Tài sản bộ phận	14.263.518.808.737	1.328.849.274.729	9.867.434.697.026	14.303.835.309.448	73.217.405.633	39.836.855.495.573
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(58.543.798.785)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.06.2025		01.01.2025		30.06.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	570.438.800.731	-	308.933.876.437	-	570.438.800.731	308.933.876.437
Phải thu khách hàng	601.931.234.123	(11.035.892.482)	629.018.879.802	(11.035.892.482)	590.895.341.641	617.982.987.320
Trả trước cho người bán	486.283.160.084	(1.301.620.413)	367.557.269.758	(1.301.620.413)	484.981.539.671	366.255.649.345
Phải thu về cho vay	7.000.000.000	-	6.000.000.000	-	7.000.000.000,00	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	889.986.115.021	(873.033.836)	829.113.369.727	(873.033.836)	889.113.081.185	828.240.335.891
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.293.866.330	-	6.432.529.990	-	6.293.866.330	6.432.529.990
Đầu tư tài chính dài hạn	1.212.339.897.064	-	1.088.617.731.665	-	1.212.339.897.064	1.088.617.731.665
Cộng	3.774.273.073.353	(13.210.546.731)	3.235.673.657.379	(13.210.546.731)	3.761.062.526.622	3.222.463.110.648

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30.06.2025	01.01.2025	30.06.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
			VND	VND
Phải trả cho người bán (i)	1.282.457.689.674	-	1.282.457.689.674	-
Người mua trả tiền trước	5.274.808.989	-	5.274.808.989	-
Vay và nợ (ii)	18.683.077.670.424	-	18.683.077.670.424	-
Phải trả người lao động	18.340.914.724	-	18.340.914.724	-
Các khoản phải trả khác	994.864.165.322	-	994.864.165.322	-
Cộng	20.984.015.249.133	-	20.984.015.249.133	-

(i) Khoản phải trả cho người bán chủ yếu là các khoản tiền bảo hành và tiền giữ lại chờ quyết toán tại các doanh nghiệp dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả) chưa đến hạn chi trả.

(ii) Vay và nợ chủ yếu là các khoản nợ vay dài hạn của các công ty con tại các tổ chức tín dụng tài trợ cho dự án hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả, dự án hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia). Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền thu phí của các dự án. Hiện nay, các dự án này đều đã hình thành tài sản và được đưa vào khai thác, vận hành thu phí với doanh thu tăng trưởng ổn định hàng năm. Nguồn trả nợ đến từ nguồn thu phí của chính các dự án với lịch trả nợ được xây dựng phù hợp với dòng tiền thực tế của từng dự án.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

a) - Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				
Phải trả cho người bán	1.012.854.518.063	269.603.171.611	-	1.282.457.689.674
Người mua trả tiền trước	5.274.808.989	269.931.277.546	-	275.206.086.535
Vay và nợ	1.047.657.645.375	10.276.335.617.874	7.359.084.407.175	18.683.077.670.424
Chi phí phải trả	404.688.240.840	6.145.395.186.445	-	6.550.083.427.285
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.024.189.782.908	36.101.713.155	5.500.000.000	1.065.791.496.063
Cộng	3.494.664.996.175	16.997.366.966.631	7.364.584.407.175	27.856.616.369.981

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá**+ Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Người lập biểu

ĐẶNG THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

LÊ CÔNG NGHĨA

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGÔ TRƯỜNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không phát sinh
- *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không có.
- *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025	30.06.2024
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		1.044.000.000	1.044.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Trần Chung	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	90.000.000	90.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	90.000.000	90.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	90.000.000	90.000.000
Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	42.000.000	42.000.000
Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	42.000.000	42.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):****- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):**

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025	30.06.2024
		VND	VND
Tiền lương		2.112.391.305	1.890.000.000
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	350.000.000	420.000.000
Ngô Trường Nam	Tổng giám đốc	245.000.000	-
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc	330.000.000	330.000.000
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	240.000.000	240.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	228.000.000	210.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	258.000.000	240.000.000
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	210.000.000	210.000.000
Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng giám đốc	215.652.174	240.000.000
Lê Công Nghĩa	Kế toán trưởng	35.739.131	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Danh sách các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hào

Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
Hồ Minh Hoàng

Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát

Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG

Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường
Sài Gòn - Phú Yên

Công ty cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc
Đèo Cả

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai

Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông

Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy

Công ty liên kết

Chủ tịch HĐQT

Công ty con của Công ty mẹ

Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh

Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân

Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy

Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh

Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng

Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng

Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiểm thư kỹ công ty Trần Tấn Huy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)****Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:****Công ty con**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	68.000.703.487	288.260.718.787
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	91.055.534.583	(53.424.008.339)
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	17.861.851.621	17.861.851.621

Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	44.206.758.712	533.831.697.751
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%		-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	79.825.403.362	128.573.899.510
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(805.582.740)	(2.227.077.620)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong kỳ:**Đầu tư vào Công ty khác**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15,37%	15,37%	280.094.499.513	181.179.652.718

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Bán hàng hóa, dịch vụ	46,383,189,482	150,759,259
		Mua hàng hóa, dịch vụ	44,753,255,371	52,719,783,917
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	5,688,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	1,698,322,222	1,232,314,815
		Nhận cổ tức	8,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	238,485,453,575	70,947,132,734
		Mua hàng hóa, dịch vụ	82,298,629,314	51,650,724,981
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	114,000,000,000
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	16,378,728,000	13,703,095,830

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.350.834.132	3.575.170.519
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	461.545.451 35.602.399.438	670.909.086 25.244.757.410
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ Chi tiền hợp tác kinh doanh Chi tiền lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	24.472.509.259 - 13.094.465.578 26.386.308.002	61.376.716.918 398.727.761.000 - 13.018.498.289
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Đặt cọc góp vốn Hoàn trả tiền góp vốn	26.651.294.836 88.505.200.000 224.440.172.067 102.050.172.067	- 7.500.000.000 - -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			405.729.535.611	381.952.072.308
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Trung tu hầm, đường	1.150.582.495	1.537.414.900
		Vận hành các trạm thu phí	3.647.065.400	3.647.065.400
		Thi công xây lắp	244.609.500	244.609.500
		Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	2.105.072.900	1.150.582.495
			7.147.330.295	6.579.672.295
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	192.762.341.436	213.453.819.549
			192.762.341.436	213.453.819.549
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Thuê xe	227.094.543	2.935.663.301
			227.094.543	2.935.663.301
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Dịch vụ khác Thi công xây lắp	32.103.592.920	637.938.182
			1.082.950.000	-
			33.186.542.920	637.938.182

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe	15.824.052.228 388.363.635 16.212.415.863	13.158.482.562 388.363.635 13.546.846.197
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe	127.567.935.784 22.216.144.770 337.500.000 150.121.580.554	144.798.132.784 - - 144.798.132.784
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp	6.072.230.000 6.072.230.000	- -
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			3.819.685.608	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.819.685.608 3.819.685.608	- -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			147.480.746.862	91.192.934.288
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay	100.000.000	100.000.000
		Phải thu khác	24.727.007.777	23.875.003.994
			24.827.007.777	23.975.003.994
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn	122.390.000.000	64.302.099.206
			122.390.000.000	64.302.099.206
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp	263.739.085	251.998.000
			263.739.085	251.998.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác	-	2.663.833.088
			-	2.663.833.088

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			565.395.813.205	558.696.413.227
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ	Tạm ứng cổ tức	38.015.562.045 38.015.562.045	44.608.004.491 44.608.004.491
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	473.773.860.000 53.606.391.160 527.380.251.160	473.773.860.000 40.314.548.736 514.088.408.736
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			334.660.397.763	316.418.109.595
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp Mua vật tư Cung cấp công nghệ thông tin Vé máy bay, khác	218.876.552.929 12.390.023.151 97.770.750 21.535.796.805 252.900.143.635	225.568.624.637 8.269.076.086 586.624.500 20.777.007.970 255.201.333.193
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ	7.088.546.580 7.088.546.580	13.724.616.640 13.724.616.640

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư	39.148.616.141 39.148.616.141	17.850.311.355 17.850.311.355
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Cung cấp dịch vụ	35.523.091.407 35.523.091.407	29.641.848.407 29.641.848.407
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN			2.719.148.000	2.719.148.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp	2.719.148.000 2.719.148.000	2.719.148.000 2.719.148.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2025 VND	01.01.2025 VND
ỨNG TRƯỚC TỪ KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			207.518.852.325	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Ứng trước từ khách hàng dài hạn	207.518.852.325	100.000.000.000
			207.518.852.325	100.000.000.000
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			496.670.614.634	507.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư	1.270.614.634	-
			1.270.614.634	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	495.400.000.000	507.900.000.000
		Phải trả ngắn hạn khác	1.326.537.143	-
			495.400.000.000	507.900.000.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.